

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PTXD THÀNH ĐẠT PHÁT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số : 01/CV-TĐP

Thái Nguyên, Ngày 10 tháng 04 Năm 2026

V/v: Thông báo hoạt động của trạm thí
nghiệm hiện trường LAS-XD HAN.025
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi: Sở Xây Dựng tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/04/2017 của Bộ Xây Dựng về việc hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát có quyết định công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01.1004/2026/QĐ-CBNL ngày 10 tháng 04 năm 2026. Nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: <https://tdpxb.vn>

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát có địa chỉ : Đội 5, thôn Ba Lãng, xã Thượng Phúc, TP Hà Nội có giấy phép kinh doanh số: 0105794991 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp;

Số điện thoại : 0984974682

Email: Tdp.xb.1199.vn@gmail.com

Có trạm thí nghiệm hiện trường tại tỉnh Thái Nguyên theo địa chỉ số nhà 21 ngõ 679 Phường Bắc Kạn tỉnh Thái Nguyên để thực hiện các công việc thí nghiệm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Các danh mục phép thử nằm trong quyết định công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01.1004/2026/QĐ-CBNL ngày 10 tháng 04 năm 2026. Nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: <https://tdpxb.vn>

Với nội dung báo cáo trên công ty chúng tôi gửi đến Sở Xây Dựng tỉnh Thái Nguyên biết tình hình hoạt động của phòng thí nghiệm hiện trường LAS - XD HAN.025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, PTN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT VÀ PT XD
THÀNH ĐẠT PHÁT**



GIÁM ĐỐC

Lê Đình Anh

**CÔNG TY CPĐT VÀ
PTXD THÀNH ĐẠT PHÁT**

Số:012026/TĐP-QĐ

Vv: Công bố công khai năng lực
hoạt động trạm thí nghiệm hiện
trường chuyên ngành xây dựng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG CHUYÊN
NGÀNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát.

**1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố
năng lực: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt
Phát**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105794991 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 3 năm 2024.

Mã số thuế: 0105794991

Địa chỉ: Đội 5, thôn Ba Lãng, xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0984.974.682

Web:tdpxb.vn

- Email: tdp.xb.vn.1199.vn@gmail.com

2. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường chuyên ngành xây dựng:

- Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng LAS - XD HAN.025
- Địa chỉ: (Trạm thí nghiệm hiện trường): Số nhà 21 Ngõ 679, Phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại: 0979.482.276 - 0988.068.021
- Web:tdpxb.vn
- Email: tdp.xb.vn.1199.vn@gmail.com

3. Danh mục các tiêu chí thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm trạm thí nghiệm hiện trường (Danh mục kèm theo quyết định này).

4. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này).
5. Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này).
6. Tất cả nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: tdpxb.vn

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố, cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

Nơi nhận:

- Web: tdpxb.vn;
- Sở xây dựng thành phố Hà Nội;
- Sở xây dựng tỉnh Thái Nguyên;
- Sở xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
THÀNH ĐẠT PHÁT**



GIÁM ĐỐC

Lê Đình Anh

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*(Kèm Theo quyết định số :012026/TĐP-QĐ ngày 10/04/2026 của Công ty
cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát)*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CHẤT KẾT DÍNH			
1	Xi măng - Xác định độ ổn định thể tích Lechatelie, độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012	Cân kỹ thuật, ống đong, máy trộn, dụng cụ vicat, khay ngâm mẫu.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
2	Xi măng - Xác định cường độ bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Tủ dưỡng hộ, cát tiêu chuẩn, máy trộn vữa, khuôn đúc, bay, bàn dẫn, máy nén, gá uốn, gá nén.	
3	Xi măng - Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605:2023	Sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình Le Chatelier, bể ổn nhiệt, phễu, dầu hỏa.	
4	Xi măng - Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982	Tủ dưỡng hộ, cát tiêu chuẩn, máy trộn vữa, khuôn đúc, bay, bàn dẫn, máy nén, gá uốn, gá nén.	
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU, VẬT LIỆU ĐÁ DẼM			
5	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27-06 TCVN 6221:1997	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và hút nước, tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-4,9:2006 AASHTO T84 AASHTO T85 AASHTO T112	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy.	
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy.	
8	Khối lượng thể tích xốp, độ hồng, Độ ẩm	TCVN 7572-6,7:2006	Thùng đong, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
			sàng tiêu chuẩn	
9	Hàm lượng bụi, bùn sét, tạp chất sét cục, hàm lượng hạt <75 μ m	TCVN 7572-8:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính.	
10	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén, máy cắt gia công mẫu, thước kẹp	
11	Xác định độ nén đập xi lanh và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén, máy khoan, máy cưa cắt đá, máy mài, thùng ngâm mẫu.	
12	Xác định mài mòn Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, tủ sấy, bi thép, bộ sàng.	
13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp cải tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.	
14	Xác định hạt phong hóa mềm yếu	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, búa, kim sắt.	
15	Xác định hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, búa, kim sắt.	
16	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	Cân kỹ thuật, kính lúp	
17	Vật liệu lọc dạng hạt: Khối lượng riêng, độ ẩm, thành phần hạt	TCVN 9069:2012	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy	
18	Cốt liệu nhẹ cho bê tông: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; độ bền trong xi lanh; mất đi khi đun sôi; độ hút nước	TCVN 6221:1997	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy.	
19	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích, xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014 TCVN 10322:2014 TCVN 10324:2014	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, thước kẹp, bàn chải sắt, tủ sấy.	
20	Thử nghiệm cát nghiền: Xác định thành phần hạt; hàm lượng sét; hàm lượng hạt <75 μ m	TCVN 9205:2012	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy.	
21	Xác định hệ số ES	ASTM D2419 AASHTO T176	Ống đồng nhựa và phụ kiện đầy đủ.	
22	Xác định góc dốc tự	ASTM D1883	Thùng chứa nước,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
	nhiên của cát	AASHTO T139	sàng, chày, cối, nước	
III	THỬ NGHIỆM GẠCH			
23	Gạch xây: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ bền nén; độ bền uốn; độ hút nước; Khối lượng thể tích; độ rỗng; vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009	Thước điện tử, nôm lá, thước rà, Máy nén, thước đo, miếng kính phẳng, bay, chảo, Máy uốn, Tủ sấy, bể nước, cân kỹ thuật, Thùng chứa mẫu.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
24	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước; màu sắc ngoại quan; độ bền nén; độ hút nước	TCVN 6476:1999	Thước điện tử, nôm lá, thước rà, Máy nén, thước đo, miếng kính phẳng, bay, chảo, Máy uốn, Tủ sấy, bể nước, cân kỹ thuật, Thùng chứa mẫu.	
25	Gạch bê tông: Kích thước; màu sắc ngoại quan; rỗng; cường độ nén; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016	Thước điện tử, nôm lá, thước rà, Máy nén, thước đo, miếng kính phẳng, bay, chảo, Máy nén, Tủ sấy, bể nước, cân kỹ thuật, Thùng chứa mẫu.	
26	Bê tông nhẹ - Sản phẩm khí chung áp và không trung áp: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Máy nén, tủ sấy, bay, chảo trộn hồ xi măng, tấm kính, cân kỹ thuật, tủ dưỡng mẫu.	
27	Gạch xi măng lát nền: Kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995	Máy nén, thước đo, miếng kính phẳng, bay, chảo, Máy nén, Tủ sấy, bể nước, cân kỹ thuật, Thùng chứa mẫu.	
28	Gạch Terrazzo: Kích thước ngoại quan; cường độ uốn uốn; độ hút nước	TCVN 7744:2013	Thước kẹp điện tử, thước lá, nivo, Tủ sấy, cân kỹ thuật,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
			khăn ẩm, thùng chứa nước, bàn chải, Máy thử uốn, thước đo	
IV	THỬ NGHIỆM GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT			
29	Đá ốp lát: Xác định kích thước, hình dáng; độ hút nước; độ bền uốn	TCVN 4732:2016 TCVN 6415:2016 TCVN 8057:2009	Tủ sấy, thanh đỡ hình trụ, máy uốn, Bàn rà, thước rà, nôm, đồng hồ đo	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
30	Gạch gốm ốp lát: Xác định chất lượng bề mặt; độ hút nước; độ bền uốn; độ bền sốc nhiệt; sự khác biệt màu; độ chống bám bẩn	TCVN 6415:2016 TCVN 13113:2020	Tủ sấy, thanh đỡ hình trụ, máy uốn, Bàn rà, thước rà, nôm, đồng hồ đo	
31	Gạch Granito: Xác định kích thước ngoại quan; độ hút nước; cường độ uốn gãy	TCVN 6074:1995 TCVN 6415:2016	Tủ sấy, thanh đỡ hình trụ, máy uốn, Bàn rà, thước rà, nôm, đồng hồ đo	
V	THỬ NGHIỆM BENTONITE, POLYMER			
32	Bentonite: Xác định hàm lượng cát; tỷ lệ keo; mất nước; độ dày áo sét; lực cắt tĩnh; tính ổn định; độ pH; tỷ trọng; độ nhớt	TCVN 11893:2017	Tỷ trọng kế, Ống đong 1000mL, tỷ trọng kế, Phễu Marsh, cốc vạch chia mức, nhiệt kế, Dụng cụ đo lượng mất nước, Giấy thử pH, máy đo pH	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
VI	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ VỮA			
33	Bê tông- Phương pháp thử độ sụt, độ chảy xòe	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, tấm nền, phễu đổ, thanh đâm, bay, thước.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
34	Bê tông - Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	Bình khối lượng riêng, tủ sấy, cân kỹ thuật	
35	Bê tông - Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, bàn chải, đá mài, bình hút ẩm.	
36	Bê tông - Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước đo, tủ sấy, bình hút ẩm, thùng kín.	
37	Bê tông - Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, bàn chải sắt,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
			son chống thấm, tủ sấy	
38	Bê tông - Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	Máy nén bê tông 2000KN, thước đo.	
39	Bê tông - Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén bê tông 2000KN, thước đo.	
40	Bê tông - Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022	Máy nén bê tông, gói truyền tải	
41	Bê tông - Xác định độ pH	TCVN 9339:2012	Giấy thử pH, máy đo pH	
42	Bê tông - Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338-2012	Dụng cụ thử xuyên, kim xuyên, que chọc, nhiệt kế.	
43	Bê tông - Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012	Nhiệt kế, thùng chứa mẫu.	
44	Bê tông - Xác định hệ số thấm của bê tông	ASTM C1585:06	Khuôn đúc mẫu, bàn chải sắt, bộ thử thấm.	
45	Bê tông - Xác định cường độ kéo khi ép chẻ	TCVN 8862:2011	Bộ gá ép chẻ, máy nén, thùng chứa mẫu.	
46	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén; xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 5726:2022 TCVN 9334:2012	Máy nén, súng bật nảy, thước đo.	
47	Vữa chèn cáp DUL: Độ vón cục; độ chảy; độ lan tỏa; độ tách nước và thay đổi thể tích; cường độ nén	TCVN 11971:2018 ASTM C109	Máy nén, khuôn mẫu, thùng chứa mẫu, khay.	
48	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2022	Thước kẹp, bay trao trộn, bàn dẫn, khuôn, chày đầm.	
49	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong.	
50	Xác định khả năng giữ độ lưu động vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Máy hút chân không, đồng hồ bấm giây.	
51	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Kim xuyên, đồng hồ bấm giây, tủ bảo dưỡng, bay, chảo.	
52	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022	Bộ gá uốn, nén, máy nén, thước lá.	
53	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt; độ	TCVN 9028:2011	Kim xuyên, đồng hồ bấm giây, tủ	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
	lưu động; thời gian đông kết; cường độ nén; hệ số hút nước		bảo dưỡng, bay, chảo, Bộ gá uốn, nén, máy nén, thước lá, thùng chứa mẫu, cân kỹ thuật.	
54	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy; độ tách nước; cường độ nén	TCVN 9204:2012	Bộ gá uốn, nén, máy nén, thước lá.	
VII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN			
55	Kim loại: Thí nghiệm thử kéo; thử mỏi; kích thước hình học; trọng lượng đơn vị	TCVN 197:2014 TCVN 6288:1997 TCVN 7937:2013 TCVN 7571:2019	Máy kéo nén vạn năng, cân kỹ thuật, thước lá và các dụng cụ khác	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
56	Kim loại: Thí nghiệm thử uốn và uốn lại	TCVN 198:2008 TCVN 6287:1997 TCVN 6288:1997	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
57	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren: Thử nghiệm giới hạn bền kéo mối nối	TCVN 13711-2:2023	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
58	Thử nghiệm kéo, uốn mối hàn	TCVN 5403:2010 TCVN 5401:2010	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
59	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại kéo ngang, dọc	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
60	Thử nghiệm kéo neo thép, neo bu lông	ASTM E1512	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
61	Thử nghiệm bu lông kim loại, đai ốc vít: độ bền kéo, uốn; độ dẫn dài	TCVN 1916:1995 TCVN 4795:1989	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
62	Xác định khối lượng, chiều dày lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5023:2007 TCVN 5408:2007 TCVN 5878:2007 TCVN 5877:2007 TCVN 13027:2022	Máy đo chiều dày lớp sơn, phủ, mạ (0-1250 μ M, đầu đo từ tính).	
63	Ống kim loại: Xác định kích thước; thử kéo; thử nén; thử uốn; thử áp lực; thử nén bẹp ống	TCVN 1830:2008 TCVN 314:2008 TCVN 1832:2008 TCVN 9245:2012	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	
64	Lưới thép hàn: Xác định dung sai kích thước, trọng lượng, thử kéo, thử uốn	TCVN 9391:2012	Máy kéo nén vạn năng và các dụng cụ khác.	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
VIII THỬ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG				
65	Xác định váng dầu mỡ và màu nước (phương pháp quan sát)	TCVN 2671:1978 TCVN 6185:2008 TCVN 4506:2012	Quan sát mắt thường	Nguyễn Đức Thuận
66	Xác định nhiệt độ	TCVN 4557:1988	Nhiệt kế	
67	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Máy đo độ pH	
XIV THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ, CÁT TRONG PHÒNG, HIỆN TRƯỜNG				
68	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cối sứ, bình tỷ trọng, tỷ trọng kế, nước cất, dầu hỏa, bơm chân không, và các dụng cụ khác	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
69	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, và các dụng cụ khác	
70	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Dụng cụ thử giới hạn chảy dẻo, tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, sàng có đường kính lỗ 1mm, cốc nhôm và các dụng cụ khác	
71	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, dụng cụ nghiền đất.	
72	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012	Máy cắt phẳng, và các dụng cụ khác.	
73	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 TCVN 8722:2012	Máy nén lún, và các dụng cụ khác.	
74	Xác định đầm nén tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, đầm nén proctor	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 AASHTO T199 AASHTO T190	Cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng 19mm, 4,75mm, bộ cối đầm chặt tiêu chuẩn.	
75	Xác định khối lượng thể tích, phân loại đất	TCVN 4202:2012 TCVN 5747:1993	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, tủ sấy	
76	Xác định sức chịu tải CBR trong phòng và hiện trường, độ trương nở	22 TCN 332:06 TCVN 12792:2020 TCVN 8821:2012	Thiết bị gia tải, cối, khuôn, tấm gia tải, đồng hồ đo biến dạng, bể	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
			ngâm mẫu, cân, sàng 19mm, 4,75mm và các dụng cụ khác	
77	Cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất vô cơ, xác định độ khô và hàm lượng nước	22 TCN 73:84 TCVN 9563:1995	Khuôn, bộ gá ép chẻ, máy nén và các dụng cụ khác..	
78	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt bằng phễu rót cát	22 TCN 346:06 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012 AASHTO T191	Tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, sàng có đường kính lỗ 1mm và các dụng cụ khác, bộ phễu rót cát..	
79	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt phương pháp dao đai	22 TCN 02:71 TCVN 12791:2020 TCVN 8305:2009 TCVN 8729:2012	Cân kỹ thuật, bộ dao vòng..	
80	Thí nghiệm mô đun nền đàn hồi bằng tấm ép cứng, tấm ép phẳng	TCVN 8861:2011 TCVN 9354:2012 22 TCN 211:06	Đồng hồ so, tấm ép....	
81	Kéo khi ép chẻ, mô đun, kháng nén, kháng uốn của đất gia cố	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011	Khuôn, bộ gá ép chẻ, máy nén và các dụng cụ khác..	
82	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013	Khuôn, máy nén và các dụng cụ khác..	
X	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG			
83	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Bộ kích + bơm, đồng hồ so, dầm I300...	Nguyễn Đức Thuận
84	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011 ASTM E950	Thước 3m đo độ bằng phẳng, chổi quét, biển cảnh báo.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm,
85	Xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965	Cát tiêu chuẩn, ống đồng, thước lá, bàn chải cứng chổi mềm	Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
86	Xác định mô đun đàn hồi E bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 AASHTO T256	Xe chất tải, đồng hồ đo biến dạng, kích thủy lực, cần Benkelman, giấy kẻ ly, mỡ.	
87	Thử nghiệm hệ thống nối đất, chống sét	TCVN 9385:2012 TCVN 4756:1989	Máy đo điện trở	Nguyễn Đức Thuận

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
XI	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG - NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG POLIME			
88	Xác định độ kim lún, chỉ số độ kim lún PI TT27-14BGTVT	TCVN 7495:2005 22 TCN 279:01	Bộ thiết bị đo độ kim lún, nhiệt kế, đồng hồ đo thời gian	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
89	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Khuôn, bồn nước bảo ôn nhiệt, thiết bị kéo giãn dài nhựa	
90	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, bi, nhiệt kế và các dụng cụ khác	
91	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011	Cốc hở, dụng cụ đo nhiệt độ, bếp điện	
92	Xác định tổn thất khối lượng	ASTM D1754 AASHTO T47	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu.	
93	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu.	
94	Xác định lượng hòa tan trong trichloroethylene	TCVN 7500:2005	Cốc gooch, lưới sợi thủy tinh, ống lọc, bình lọc, ống cao su, tủ sấy, hóa chất	
95	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế, bình ôn nhiệt, nhiệt kế	
96	Xác định độ nhớt động lực học	TCVN 7502:2005	Cốc đong, thiết bị xác định độ nhớt	
97	Xác định hàm lượng Parafin	TCVN 7503:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, vòng kim loại, bình hút ẩm, cân kỹ thuật	
98	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005	Bình thủy tinh, dây buộc, bếp điện, nhiệt kế	
99	Xác định hàm lượng nước; chưng cất; độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818:2011	Bình thủy tinh, dây buộc, bếp điện, nhiệt kế	
100	Xác định độ nhớt bằng nhớt kế	TCVN 11196:2017	Bình thủy tinh, dây buộc, bếp điện, nhiệt kế	
101	Xác định bám dính tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc, chảo, ống đong, dao trộn, sàng	
102	Nhũ tương nhựa đường	TCVN 8817:2011	Bình thủy tinh,	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
	axit: Xác định độ nhớt Saybolt Furol; độ lắng và ổn định 24h; hạt quá cỡ; điện tích hạt; khử nhũ; hạt lớn hơn 1,4mm; thí nghiệm trộn với xi; độ dính bám và tính chịu nước; hàm lượng dầu; hàm lượng nhựa		dây buộc, bếp điện, nhiệt kế....	
103	Nhựa đường Polime: Xác định độ hóa mềm; độ kim lún ở 25°C; nhiệt độ bắt lửa; lượng tổn thất và tỷ lệ độ kim lún sau khi đun nóng ở 163°C; Lượng hòa tan trong Trichloroethylene; Khối lượng riêng ở 25°C; Độ dính bám với đá; độ đàn hồi; độ ổn định lưu trữ	TCVN 11193:2021 22 TCN 319:04	Bình thủy tinh, dây buộc, bếp điện, nhiệt kế, Tỷ trọng kế, bình ổn nhiệt, nhiệt kế..	
XII	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG BÊ TÔNG NHỰA			
104	Thành phần hạt, mất khi nung; khối lượng riêng; hàm lượng nước; Khối lượng thể tích độ rỗng; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; độ ẩm; hệ số thích nước của bột khoáng; xác định chỉ số dẻo	TCVN 12884:2020 TCVN 8735:2012 TCVN 4197:2012	Cân kỹ thuật, tủ sấy, Sàng tiêu chuẩn, bình hút ẩm, Bình tỷ trọng, sàng (0.25mm), cốc, bếp đun cách cát, khay, dầu hỏa, Dụng cụ thử giới hạn chảy dẻo, đĩa thủy tinh, nước cất, ống đong.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
XIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA			
105	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Bộ máy nén Marshall, tủ sấy, bể ổn nhiệt	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
107	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết	TCVN 8860-2:2011	Máy quay li tâm, tủ sấy, bếp điện, lò nung, bình hút ẩm, cân kỹ thuật	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
108	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
108	Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đưng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, áp	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
			kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu	
110	Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, bàn cân thủy tĩnh, khăn lau.	
111	Độ chảy nhựa; góc cạnh; hệ số độ chặt lu lèn; rỗng dư; rỗng cốt liệu; rỗng lấp đầy nhựa; ổn định còn lại; Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8860:2011 TCVN 8862:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, dụng cụ trộn, cân kỹ thuật, Ống đồng, phễu, giá đỡ, cân, dao gạt, và các dụng cụ khác	
112	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Ống đồng, phễu, giá đỡ, cân, dao gạt, và các dụng cụ khác	
113	Ép chẻ, hệ số cường độ kéo, cường độ nén, tỷ lệ giãn nở, chu kỳ, độ bằng phẳng, sai số, độ chặt lu lèn của vật liệu tái chế	TCVN 13150:2020 TCVN 8862:2011	Bộ gá ép chẻ, máy nén, thước 3m, cân kỹ thuật....	
114	Xác định vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm có trong cốt liệu khoáng bằng phương pháp rửa	AASHTO T11	Cân kỹ thuật, sàng, chổi sơn, thùng rửa, nước..	
115	Xác định tỷ trọng và mức độ hấp thụ nước của cốt liệu lớn, cốt liệu nhỏ	AASHTO T85 AASHTO T84	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, áp kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay đựng mẫu	
116	Thử nghiệm vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô	TCVN 13150:2020	Cân kỹ thuật, sàng, khay...	
117	Cường độ chịu nén và độ biến dạng, cường độ chịu nén không nở hông, còn lại, đặc tính tạo bọt của nhựa đường	TCVN 13150:2020	Máy nén, và các dụng cụ khác.	
XIV	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM VÀ VỎ BỌC BÁC THẨM			
118	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009	Máy kéo nén vạn năng; bơm cao áp;	Trương Tiến Quân, Phan Văn
119	Xác định khối lượng đơn	TCVN 8221: 2009	thước đo	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, dụng cụ	Nhân sự thực hiện
	vị diện tích			Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
120	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871:2011		
121	Kích thước lỗ vải (sàng ướ))	TCVN 8486:2010		
122	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871:2011		
123	Xác định khả năng chịu nhiệt độ, độ ẩm	TCVN 8482:2010		
124	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871:2011		
125	Cường độ kháng xuyên	TCVN 8871:2011		
116	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012		
127	Cường độ kéo giặt, độ dẫn dài	TCVN 8485:2010 TCVN 8871:2011		
XV	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG			
128	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012	Máy đo độ PH, cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, và các dụng cụ khác.	Trương Tiến Quân, Phan Văn Danh, Nguyễn Thế Lâm, Hoàng Văn Ân, Hoàng Văn Định
129	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2011		
130	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2011		
131	Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước, ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp và cường độ bê tông	TCVN 8826:2011		

Số: 01.1004/2026/TB-TĐP

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

(Vv: Thông báo công bố năng lực đủ điều kiện
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

THÔNG BÁO

(Về việc: Công bố thông tin năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Mã số **LAS-XD HAN.025** do Sở xây dựng thành phố Hà Nội cấp theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 73/GCN-SXD ngày 26 tháng 11 năm 2025

2. Thực hiện theo nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng. Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát có quyết định công bố thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 01.1004/2026/QĐ-CBNL ngày 10 tháng 04 năm 2026. Nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: <https://tdpxb.vn>

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố trên Website trên.

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP Công ty
- Lưu PTN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG THÀNH
ĐẠT PHÁT**



GIÁM ĐỐC

Lê Đình Anh

**CÔNG TY CPĐT VÀ
PTXD THÀNH ĐẠT PHÁT**

Số:012026/TĐP-QĐ

Vv: Công bố công khai năng lực
hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ xây dựng;
- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105794991 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 02 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 3 năm 2024.

Mã số thuế: 0105794991

Địa chỉ: Đội 5, thôn Ba Lãng, xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0984.974.682

Web:tdpxb.vn - Email: tdp.xb.vn.1199.vn@gmail.com

2. Thông tin phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng. LAS-XD HAN.025

Địa chỉ 1 (Trụ sở chính): Đường Am, thôn Quất Động, xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0979.482.276 - 0988.068.021

Địa chỉ 2 (Trạm thí nghiệm hiện trường): Số nhà 21 Ngõ 679, Phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên.

Web:tdpxb.vn - Email: tdp.xb.vn.1199.vn@gmail.com

3. Danh mục các tiêu chí thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này).

4. Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).
5. Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).
6. Tất cả nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: tdpxb.vn

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố, cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

Nơi nhận:

- Web: tdpxb.vn;
- Sở xây dựng thành phố Hà Nội;
- Sở xây dựng tỉnh Thái Nguyên;
- Sở xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
THÀNH ĐẠT PHÁT**



GIÁM ĐỐC
Lê Đình Anh

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT TƯƠNG ƯNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

*(Kèm Theo quyết định số :012026/TĐP-QĐ ngày 10/04/2026 của Công ty
cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát)*

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CHẤT KẾT DÍNH	
1	Xi măng - Xác định độ ổn định thể tích Lechatelie, độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết	TCVN 6017:2015 TCVN 8875:2012
2	Xi măng - Xác định cường độ bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3	Xi măng - Độ mịn, khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 13605:2023
4	Xi măng - Xác định độ bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU, VẬT LIỆU ĐÁ DẪM	
5	Thành phần hạt và mô đun độ lớn	TCVN 7572-2:2006 AASHTO T27-06 TCVN 6221:1997
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và hút nước, tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-4,9:2006 AASHTO T84 AASHTO T85 AASHTO T112
7	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
8	Khối lượng thể tích xốp, độ hong, Độ ẩm	TCVN 7572-6,7:2006
9	Hàm lượng bụi, bùn sét, tạp chất sét cục, hàm lượng hạt <75 μ m	TCVN 7572-8:2006
10	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm đá gốc	TCVN 7572-10:2006
11	Xác định độ nén đập xi lanh và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
12	Xác định mài mòn Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
13	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
14	Xác định hạt phong hóa mềm yếu	TCVN 7572-17:2006
15	Xác định hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
16	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
17	Vật liệu lọc dạng hạt: Khối lượng riêng, độ ẩm, thành phần hạt	TCVN 9069:2012
18	Cốt liệu nhẹ cho bê tông: Thành phần hạt; khối lượng thể tích; độ bền trong xi lanh; mất đi khi đun sôi; độ hút nước	TCVN 6221:1997
19	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm, độ	TCVN 10321:2014

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	hút nước, khối lượng thể tích, xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014 TCVN 10324:2014
20	Thử nghiệm cát nghiền: Xác định thành phần hạt; hàm lượng sét; hàm lượng hạt <75 μ m	TCVN 9205:2012
21	Xác định hệ số ES	ASTM D2419 AASHTO T176
22	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	ASTM D1883 AASHTO T139
III	THỬ NGHIỆM GẠCH	
23	Gạch xây: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ bền nén; độ bền uốn; độ hút nước; Khối lượng thể tích; độ rỗng; vết tróc do vôi	TCVN 6355:2009
24	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước; màu sắc ngoại quan; độ bền nén; độ hút nước	TCVN 6476:1999
25	Gạch bê tông: Kích thước; màu sắc ngoại quan; rỗng; cường độ nén; độ thấm nước; độ hút nước	TCVN 6477:2016
26	Bê tông nhẹ - Sản phẩm khí chung áp và không trung áp: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
27	Gạch xi măng lát nền: Kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, tải trọng uốn gãy toàn viên	TCVN 6065:1995
28	Gạch Terrazzo: Kích thước ngoại quan; cường độ uốn uốn; độ hút nước	TCVN 7744:2013
IV	THỬ NGHIỆM GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT	
29	Đá ốp lát: Xác định kích thước, hình dáng; độ hút nước; độ bền uốn	TCVN 4732:2016 TCVN 6415:2016 TCVN 8057:2009
30	Gạch gốm ốp lát: Xác định chất lượng bề mặt; độ hút nước; độ bền uốn; độ bền sức nhiệt; sự khác biệt màu; độ chống bám bẩn	TCVN 6415:2016 TCVN 13113:2020
31	Gạch Granito: Xác định kích thước ngoại quan; độ hút nước; cường độ uốn gãy	TCVN 6074:1995 TCVN 6415:2016
V	THỬ NGHIỆM BENTONITE, POLYMER	
32	Bentonite: Xác định hàm lượng cát; tỷ lệ keo; mất nước; độ dày áo sét; lực cắt tĩnh; tính ổn định; độ pH; tỷ trọng; độ nhớt	TCVN 11893:2017
VI	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ VỮA	
33	Bê tông- Phương pháp thử độ sụt, độ chảy xòe	TCVN 3106:2022
34	Bê tông - Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
35	Bê tông - Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
36	Bê tông - Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
37	Bê tông - Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
38	Bê tông - Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
39	Bê tông - Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
40	Bê tông - Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022
41	Bê tông - Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
42	Bê tông - Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338-2012
43	Bê tông - Xác định nhiệt độ trong hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:2012
44	Bê tông - Xác định hệ số thấm của bê tông	ASTM C1585:06
45	Bê tông - Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862:2011
46	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén; xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 5726:2022 TCVN 9334:2012
47	Vữa chèn cấp DUL: Độ vón cục; độ chảy; độ lan tỏa; độ tách nước và thay đổi thể tích; cường độ nén	TCVN 11971:2018 ASTM C109
48	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dẫn)	TCVN 3121-3:2022
49	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
50	Xác định khả năng giữ độ lưu động vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
51	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022
52	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2022
53	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt; độ lưu động; thời gian đông kết; cường độ nén; hệ số hút nước	TCVN 9028:2011
54	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy; độ tách nước; cường độ nén	TCVN 9204:2012
VII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
55	Kim loại: Thí nghiệm thử kéo; thử mối; kích thước hình học; trọng lượng đơn vị	TCVN 197:2014 TCVN 6288:1997 TCVN 7937:2013 TCVN 7571:2019
56	Kim loại: Thí nghiệm thử uốn và uốn lại	TCVN 198:2008 TCVN 6287:1997 TCVN 6288:1997
57	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren: Thử nghiệm giới hạn bền kéo mối nối	TCVN 13711-2:2023
58	Thử nghiệm kéo, uốn mối hàn	TCVN 5403:2010

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		TCVN 5401:2010
59	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại kéo ngang, dọc	TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010
60	Thử nghiệm kéo neo thép, neo bu lông	ASTM E1512
61	Thử nghiệm bu lông kim loại, đai ốc vít: độ bền kéo, uốn; độ giãn dài	TCVN 1916:1995 TCVN 4795:1989
62	Xác định khối lượng, chiều dày lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5023:2007 TCVN 5408:2007 TCVN 5878:2007 TCVN 5877:2007 TCVN 13027:2022
63	Ống kim loại: Xác định kích thước; thử kéo; thử nén; thử uốn; thử áp lực; thử nén bẹp ống	TCVN 1830:2008 TCVN 314:2008 TCVN 1832:2008 TCVN 9245:2012
64	Lưới thép hàn: Xác định dung sai kích thước, trọng lượng, thử kéo, thử uốn	TCVN 9391:2012
VIII	THỬ NGHIỆM NƯỚC XÂY DỰNG	
65	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước (phương pháp quan sát)	TCVN 2671:1978 TCVN 6185:2008 TCVN 4506:2012
66	Xác định nhiệt độ	TCVN 4557:1988
67	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
IX	THỬ NGHIỆM ỐNG VÀ PHỤ KIỆN ỐNG	
68	Thử nghiệm độ bền áp suất thủy tĩnh, độ kín khít, dung sai kích thước của ống nhựa các loại	TCVN 6149:2007 TCVN 11821:2017
69	Xác định kiểm tra độ bền kéo, độ giãn dài	TCVN 7434:2004
70	Sự thay đổi kích thước sau khi gia nhiệt	TCVN 6148:2007
71	Kích thước, độ bền, nén, độ cong ống luồn, phụ kiện; điện trở cách điện	IEC 614; BS6099 EN50086 TCVN 6610:2007 TCVN 5939:2013
72	Ống nhựa cho tuyến cáp ngầm: Thông số kích thước hình học; độ bền kéo đứt, thử nén; điện trở cách điện; độ bền màu	TCVN 8492:2011 TCVN 6610:2007 TCVN 5939:2013
73	Xác định kích thước; độ bền kéo, độ giãn dài; độ biến dạng	TCVN 7434:2020
X	DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, DÂY TÍN HIỆU VÀ PHỤ KIỆN	
74	Dây điện, cáp điện: Kiểm tra kích thước, đường kính, chiều dày, số sợi ruột dẫn, tiết diện ruột dẫn, thử kéo, độ giãn dài, điện trở cách điện, điện trở ruột dẫn	TCVN 6612:2007 TCVN 6610:2014 TCVN 5935:2013 TCVN 6614:2008

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		TCVN 6099:2007 TCVN 5936:1995
75	Dây tín hiệu, cáp đồng trục, cáp quang: Xác định kích thước, chiều dày cách điện và vỏ bọc, thử kéo và độ giãn dài khi kéo, điện trở cách điện, điện trở ruột dẫn	TCVN 8665:2011 TCVN 6745:2000 TCVN 10296:2014 TCVN 6614:2008 TCVN 8697:2011
XI	THỬ NGHIỆM SƠN, VẬT LIỆU CHỐNG THẨM	
76	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
77	Xác định thời gian chảy (độ nhớt)	TCVN 2092:2013 TCVN 9879:2013
78	Xác định độ phủ; độ thấm nước Phụ lục A	TCVN 2095:1993
79	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096:2015
80	Xác định độ bám dính	TCVN 2097:2015
81	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2007
82	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2007
83	Xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
84	Sơn tường dạng nhũ: Xác định trạng thái; đặc tính; độ ổn định; kiểm tra ngoại quan màng sơn; độ bền nước; độ bền kiềm; độ rửa trôi; bền chu kỳ nóng lạnh	TCVN 8653:2024
85	Sơn kẻ đường: Xác định độ phát sáng; độ bền nhiệt; nhiệt độ hóa mềm; độ kháng cháy; khối lượng riêng; độ chống trượt; kích thước vạch sơn	TCVN 8791:2018
86	Sơn tín hiệu giao thông: Độ mịn; chống loang màu; khả năng chịu dầu, chịu muối, chịu nước, chịu kiềm	TCVN 8786:2011 TCVN 8787:2011
87	Sơn epoxy: Xác định tính đồng nhất; độ mịn; thời gian khô; độ bóng; độ bền; khả năng chịu kiềm; hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 9014:2011
88	Vật liệu chống thấm: Xác định độ mịn, độ nhớt, độ phủ, thời gian khô, bền uốn, bám dính, chịu nhiệt, độ bền lâu	TCVN 6557:2000 TCVN 9065:2012
89	Băng chặn nước: Xác định khối lượng riêng; cường độ chịu kéo; độ dẫn dài; thay đổi khối lượng; độ bền; kiểm tra kích thước	TCVN 9407:2014 TCVN 4509:2013 TCVN 4866:2013
XII	THỬ NGHIỆM KÍNH, KHUNG CỬA, VÁCH KÍNH, THANH PORFILE	
90	Xác định độ sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan, hoàn thiện cạnh, độ bền	TCVN 7219:2018 TCVN 7364-4:2018 TCVN 7364-5:2018 TCVN 7364-6:2018

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		TCVN 8260:2009 TCVN 9808:2013
91	Thanh Profile: Xác định kích thước, độ bền kéo, độ giãn dài khi đứt; độ bền uốn	TCVN 4501:2009 ISO 527:97 ISO 178:00 ISO 179:01 ISO 868:03
92	Khung xương vách thanh treo: Xác định kích thước; chiều dày lớp phủ	TCVN 7470:2005
XIII	THỬ NGHIỆM ĐẤT, ĐÁ, CÁT TRONG PHÒNG, HIỆN TRƯỜNG	
93	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
94	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
95	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
96	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
97	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012
98	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012 TCVN 8722:2012
99	Xác định đầm nén tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm, đầm nén proctor	TCVN 4201:2012 TCVN 12790:2020 AASHTO T199 AASHTO T190
100	Xác định khối lượng thể tích, phân loại đất	TCVN 4202:2012 TCVN 5747:1993
111	Xác định sức chịu tải CBR trong phòng và hiện trường, độ trương nở	22 TCN 332:06 TCVN 12792:2020 TCVN 8821:2012
112	Cường độ ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất vô cơ, xác định độ khô và hàm lượng nước	22 TCN 73:84 TCVN 9563:1995
113	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt bằng phễu rót cát	22 TCN 346:06 TCVN 8728:2012 TCVN 8729:2012 TCVN 8730:2012 AASHTO T191
114	Xác định dung trọng, độ ẩm, độ chặt phương pháp dao đai	22 TCN 02:71 TCVN 12791:2020 TCVN 8305:2009 TCVN 8729:2012
115	Thí nghiệm mô đun nền đàn hồi bằng tấm ép cứng, tấm ép phẳng	TCVN 8861:2011 TCVN 9354:2012 22 TCN 211:06
116	Kéo khi ép chẻ, mô đun, kháng nén, kháng uốn của đất gia cố	TCVN 9403:2012 TCVN 8862:2011

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
117	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong trùng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
XIV	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
118	Thí nghiệm tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
119	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864:2011 ASTM E950
120	Xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:2011 ASTM E965
121	Xác định mô đun đàn hồi E bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 AASHTO T256
122	Thử nghiệm khả năng chịu tải nắp hố ga và song chắn rác	TCVN 10333-3:2014
123	Thử nghiệm hệ thống nối đất, chống sét	TCVN 9385:2012 TCVN 4756:1989
XV	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG - NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỮ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG POLIME	
124	Xác định độ kim lún, chỉ số độ kim lún PI TT27-14BGTVT	TCVN 7495:2005 22 TCN 279:01
125	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
126	Xác định nhiệt độ hóa mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
127	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011
128	Xác định tổn thất khối lượng	ASTM D1754 AASHTO T47
129	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
130	Xác định lượng hòa tan trong trichloroethylene	TCVN 7500:2005
131	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
132	Xác định độ nhớt động lực học	TCVN 7502:2005
133	Xác định hàm lượng Parafin	TCVN 7503:2005
134	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
135	Xác định hàm lượng nước; chung cát; độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818:2011
136	Xác định độ nhớt bằng nhớt kế	TCVN 11196:2017
137	Xác định bám dính tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
138	Nhũ tương nhựa đường axit: Xác định độ nhớt Saybolt Furol; độ lắng và ổn định 24h; hạt quá cỡ; điện tích hạt; khử nhũ; hạt lớn hơn 1,4mm; thí nghiệm trộn với xi; độ dính bám và tính chịu nước; hàm lượng dầu; hàm lượng nhựa	TCVN 8817:2011
139	Nhựa đường Polime: Xác định độ hóa mềm; độ kim lún ở 25°C; nhiệt độ bắt lửa; lượng tổn thất	TCVN 11193:2021 22 TCN 319:04

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	và tỷ lệ độ kim lún sau khi đun nóng ở 163°C; Lượng hòa tan trong Trichloroethylene; Khối lượng riêng ở 25°C; Độ dính bám với đá; độ đàn hồi; độ ổn định lưu trữ	
XVI	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG BÊ TÔNG NHỰA	
140	Thành phần hạt, mất khi nung; khối lượng riêng; hàm lượng nước; Khối lượng thể tích độ rỗng; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng; độ ẩm; hệ số thích nước của bột khoáng; xác định chỉ số dẻo	TCVN 12884:2020 TCVN 8735:2012 TCVN 4197:2012
XVII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
141	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
142	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết	TCVN 8860-2:2011
143	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
144	Tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
145	Tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
146	Độ chảy nhựa; góc cạnh; hệ số độ chặt lu lèn; rỗng dư; rỗng cốt liệu; rỗng lấp đầy nhựa; ổn định còn lại; Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8860:2011 TCVN 8862:2011
147	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
148	Ép chế, hệ số cường độ kéo, cường độ nén, tỷ lệ giãn nở, chu kỳ, độ bằng phẳng, sai số, độ chặt lu lèn của vật liệu tái chế	TCVN 13150:2020 TCVN 8862:2011
149	Xác định vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm có trong cốt liệu khoáng bằng phương pháp rửa	AASHTO T11
150	Xác định tỷ trọng và mức độ hấp thụ nước của cốt liệu lớn, cốt liệu nhỏ	AASHTO T85 AASHTO T84
151	Thử nghiệm vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô	TCVN 13150:2020
152	Cường độ chịu nén và độ biến dạng, cường độ chịu nén không nở hông, còn lại, đặc tính tạo bột của nhựa đường	TCVN 13150:2020
XVIII	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM VÀ VỎ BỌC BÁC THẨM	
153	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009
154	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221: 2009
155	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871:2011
156	Kích thước lỗ vải (sàng ướm)	TCVN 8486:2010

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
157	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871:2011
158	Xác định khả năng chịu nhiệt độ, độ ẩm	TCVN 8482:2010
159	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871:2011
160	Cường độ kháng xuyên	TCVN 8871:2011
161	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012
162	Cường độ kéo giật, độ dẫn dài	TCVN 8485:2010 TCVN 8871:2011
XIX	THỬ NGHIỆM GỖ, THẠCH CAO	
163	Gỗ tự nhiên: Xác định số vòng; độ ẩm; khối lượng thể tích; nén vuông góc thớ; kéo song song thớ; kéo vuông góc thớ; độ giãn nở thể tích, khối lượng riêng	TCVN 13707:2023
164	Tấm thạch cao: Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2023
165	Tấm thạch cao: Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023
166	Tấm thạch cao: Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023
167	Tấm thạch cao: Độ cứng góc cạnh, độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257-8:223
168	Tấm thạch cao: Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023
169	Khả năng chịu tải khung xương vách thanh treo	TCVN 12694:2020 ASTM C635M:07
170	XĐ kích thước hình học; cường độ chịu uốn	TCVN 8259:2009
XX	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA CHO BÊ TÔNG	
171	Xác định độ pH	TCVN 9339:2012
172	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2011
173	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2011
174	Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước, ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp và cường độ bê tông	TCVN 8826:2011
XXI	NGÓI	
175	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2023 TCVN 1453:2023 TCVN 7195:2002 TCVN 9133:2011
176	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:2023 TCVN 1453:2023
177	Xác định độ hút nước, hệ số hút nước, khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước	TCVN 4313:2023
178	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 1453:2023 TCVN 4313:2023

**DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**

*(Kèm theo quyết định số :012026/TĐP-QĐ ngày 10/04/2026 của Công ty
cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát)*

STT	Trang thiết bị thí nghiệm	Model	Số lượng	Xuất xứ
1	Máy kéo nén đa năng 100 kN	WDW-100kN	1	Trung Quốc
2	Máy kéo vạn năng WE 1000 kN	Số serial: 90904; Số serial 908109; Số serial 1536	3	Trung Quốc
3	Máy nén thí nghiệm cường độ bê tông 2000 kN	Số serial – 220641; Số serial 80715; Số serial 221223; Số serial 110925; Số serial 02000187 – 002; Số serial 120331 – 090; Số serial 70132	7	Trung Quốc
4	Máy xác định Los-Angeles	180611	1	Trung Quốc
5	Máy nén CBR + vòng ứng biến 50kN	E2832	1	Trung Quốc
6	Đồng hồ đo trương nở dải đo 0-10mm	-	10	Trung Quốc
7	Khuôn + chày Proctor cải tiến	-	3	Việt Nam
8	Bộ xác định Casagrande	-	3	Việt Nam
9	Bộ xác định giới hạn dẻo	-	3	Việt Nam
10	Bộ chày cối đồng	-	1	Trung Quốc
11	Cân điện tử 30kgx1g – OHAUS (mỹ) Model: BC30		1	Mỹ
12	Cân điện tử 30kg	ATS- GC27	1	Trung Quốc
13	Cân 6Kg LA551	77ESD60115	1	Mỹ
14	Cân 6 kg	Số serial - ACS 6A: 08030043	1	Trung Quốc
15	Cân 30Kg TSGA	19145231	1	Trung Quốc

16	Cân điện tử ALC 30kg	GS - ALC 30	1	Việt Nam
17	Máy khoan D200	-	3	Trung Quốc
18	Tủ sấy	Q/320683; 0513-86511077; 1130510;	1	Trung Quốc
19	Thước kẹp	-	3	Việt Nam
20	Kích đùn mẫu	-	1	Trung Quốc
21	Bộ đàm mẫu Marshall bằng tay	-	1	Việt Nam
22	Khuôn mẫu Marshall	-	30	Việt Nam
23	Bộ đo nhám mặt đường bằng PP rắc cát	-	1	Việt Nam
24	Nhiệt kế kim loại – Dải đo (200 hoặc 250C)	-	5	Việt Nam
25	Bơm thử áp lực nước bằng tay có đồng hồ áp 0-7Mpa	Số serial: TP50E kiểu ASADA	1	Việt Nam
26	Máy cắt sắt, đá	-	03	Thái Lan
27	Thiết bị đo súng bột nẩy bê tông	Số serial – 2207175; ZC3A -0009	01	
28	Máy trộn bê tông	-	01	
29	Máy đo điện trở	E8431734; E8309683;	2	Việt Nam
30	Bộ thí nghiệm Bentonite	-	1	Việt Nam
31	Cân Benkleman	CN5.3464	01	Việt Nam
32	Thước 3m	-	01	Việt Nam
33	Bộ ép chẻ bê tông nhựa	-	01	Việt Nam
34	Bể ổn nhiệt	190923; S17-28370	02	Việt Nam
35	Bộ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa	-	01	Việt Nam
36	Kích nâng kN 100-150 Bơm tay thủy lực Đồng hồ áp 60Mpa	-	01	Việt Nam
37	Bộ Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa	SYD-3536	01	Việt Nam
38	Bộ Thiết bị xác định tổn thất khi nung: hệ thống quay, cốc đựng mẫu (dùng lắp vào tủ sấy)	-	01	Việt Nam
39	Máy triết nhựa	16094; 150705; 10708; SLF -400	04	Trung Quốc

40	Lò Nung	Số serial -'0707198; Số serial -'3410540	01	Trung Quốc
41	Máy đo độ dày lớp phủ	DR3000	01	Trung Quốc
42	Thiết bị đo thời gian khô hoàn toàn sơn,	JLD-8612	01	Trung Quốc
43	Dụng cụ thử độ bám dính sơn	QFHGG600A	01	Trung Quốc
44	Bộ thí nghiệm hòa tan trichloroethylene	-	01	Trung Quốc
45	Thiết bị xác định độ nhớt tiêu chuẩn trong nhựa đường lỏng	SYD-0621	01	Trung Quốc
46	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	HY220418-3965	01	Trung Quốc
47	Thiết bị giãn dài nhựa	DL94-S0045	01	Trung Quốc
48	Máy thử độ thấm của bê tông Model: HP- 4.0	Số Seri: 180631	01	Trung Quốc
49	Cân Kỹ Thuật	OKS -DJ 523 A	01	Trung Quốc
50	Máy nén Masshal	Số serial 140801; 1103008; 1103008	03	Trung Quốc
51	Cung lực máy Masshal	A7965; A3366; E2832;	03	Trung Quốc

**DANH MỤC THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**

*(Kèm theo quyết định số :012026/TĐP-QĐ ngày 10/04/2026
của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển xây dựng Thành Đạt Phát)*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Hợp đồng lao động
1	Lê Đình Anh	15/12/1982	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc công ty - Điều hành mọi công việc hoạt động liên quan của phòng thí nghiệm. - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm tại các phòng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học kỹ sư xây dựng đường ô tô sân bay - Bằng thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô 	
2	Nguyễn Văn Hiệu	13/05/1984	<ul style="list-style-type: none"> - Trưởng phòng thí nghiệm - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng. - Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng. - Thí nghiệm hiện trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học kỹ sư xây dựng đường bộ - Bằng thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng đường ô tô - Chứng nhận quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng 	-Số: 01/HĐLĐ/2017; ký ngày 01/01/2017
3	Nguyễn Đức Thuận	18/10/1990	<ul style="list-style-type: none"> - Phó phòng thí nghiệm - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, các thí nghiệm hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Bằng đại học kỹ thuật công trình xây dựng - Bằng trung cấp thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường 	- Số : 02/HĐLĐ/2017; ký ngày 01/01/2017

			trường và trong phòng.	bộ - Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ vện toàn của cọc - Chứng nhận phương pháp xác định các yêu cầu kỹ thuật đối với nước cho bê tông và vữa - Chứng nhận phương pháp đo xác định điện trở hệ thống điện	
4	Trương Tiến Quân	25/02/1991	- Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng. - Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm, tính trung thực, khách quan của các kết quả thí nghiệm của Phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng. - Thí nghiệm hiện trường.	- Bằng đại học công nghệ kỹ thuật giao thông - Chứng nhận quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng	- Số : 09/HĐLĐ /2018; ký ngày 01/09/2018
5	Hoàng Văn Ân	17-02-1988	- Thí nghiệm viên - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, và các thí nghiệm hiện	- Bằng thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	- Số : 05/HĐLĐ /2017; ký ngày 01/01/201

			trường		7
6	Hoàng Văn Định	24/05/1990	-Thí nghiệm viên - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, và các thí nghiệm hiện trường	- Chứng nhận thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình	- Số : 05/HĐLĐ /2021; ký ngày 01/01/2021
7	Phan Văn Danh	15/04/1990	- Thí nghiệm viên - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, và các thí nghiệm hiện trường	- Chứng nhận thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình	- Số : 06/HĐLĐ /2017; ký ngày 25/09/2020
8	Nguyễn Thế Lâm	07/10/1991	- Thí nghiệm viên - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, và các thí nghiệm hiện trường - Giao nhận mẫu thí nghiệm - Tư vấn thử nghiệm - Bàn giao kết quả thử nghiệm	- Chứng nhận thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình	- Số : 06/HĐLĐ /2024; ký ngày 01/12/2024
9	Nguyễn Quốc Bảo	11/04/1999	- Thí nghiệm viên - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, và các thí nghiệm hiện trường - Giao nhận mẫu thí nghiệm - Tư vấn thử nghiệm - Bàn giao kết quả thử nghiệm	- Chứng nhận thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình	- Số : 08/HĐLĐ /2025; ký ngày 01/03/2025
10	Nguyễn Văn Tuấn	08/03/1990	- Thí nghiệm viên - Thực hiện thí nghiệm vật liệu xây dựng, và các thí nghiệm hiện trường	- Bằng trung cấp thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ	